CHAPTER 2: VIETNAMESE-ENGLISH TRANSLATION

Lesson 1:

1.1. Đà Lạt chiếm cứ một vùng đất rộng trên cao nguyên Lâm Viên, xung quanh toàn là núi đồi hùng vĩ.

Dalat occupies a vast area on the Lam Vien plateau, surrounded by imposing mountains and hills.

- chiếm cứ: take up/ to be situated/ to occupy
- cao nguyên : plateau
- xung quanh: to be surrounded by/ with
- hùng vĩ: imposing, great

1.2. Sự phát triển kinh tế của Việt Nam phải được xét trong hoàn cảnh chiến tranh kéo dài. Hoàn cảnh chiến tranh ấy đã gây ra nhiều thiệt hại về sinh mạng và tài sản cũng như các công trình công cộng và tài nguyên.

Vietnam's economic development must be considered in the context of a prolonged war. That wartime situation caused much loss of life and property, as well as damage to public facilities and resources.

- sự phát triển kinh tế: the economic development
- được xét: to be viewed/ to be considered/ to be taken into account
- hoàn cảnh chiến tranh kéo dài: in the context of the long period of war
- gây ra thiệt hại: to cause damage to
- tài sản: property
- công trình công cộng: public facilities
- tài nguyên: resources

1.3. Mặc dù địa vị của phụ nữ đã có những bước tiến kỳ diệu, nhưng người ta phải thực hiện nhiều chuyện khác để cải thiện tình trạng sự khỏe, dinh dưỡng và giáo dục cho phụ nữ.

Although the status of women has been dramatically improved, much more needs to be done to improve women's health, nutrition, and education.

- địa vị: status
- có những bước tiến kỳ diệu: to be dramatically improved
- dinh dưỡng: nutrition

Lesson 2:

2.1. Mạng lưới truyền hình đang xây dựng rộng khắp cả nước. Ngoài những đài truyền hình tương đối hiện đại, có từ lâu đời như đài truyền hình Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, còn có 25 đài thuộc các tỉnh được thành lập vào năm 1988. Những đài truyền hình này sẽ truyền những chương trình quan trọng của đài truyền hình trung ương và phát chương trình của đài mình.

The television network is being expanded nationwide. Besides the relatively modern and long-standing stations such as Hanoi and Ho Chi Minh City television stations, 25 provincial stations were

established in 1988. These stations will relay important programs from the central television station and broadcast their programs.
- mạng lưới: network
- đài truyền hình: television station
- lâu đời: long-standing
- thành lập: to establish/ set up
- truyền những chương trình: to relay the transmissions
- phát: to broadcast

2.2. Ngày nay thế giới đang đương đầu với nhiều vấn đề nghiêm trọng cho dù đã có nhiều bước tiến đáng kể trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và tri thức. Một trong những vấn đề đó là sự bùng nổ dân số, đặc biệt ở các nước đang phát triển. Dân số đang tăng theo cấp số nhân trong lúc sản xuất hàng hóa lại tăng theo cấp số cộng.

Today, the world is facing many serious problems despite remarkable advances in science, technology, and knowledge. One of these issues is the population explosion, especially in developing countries. The population is growing in geometric progression while the production of goods is increasing in arithmetic progression.
- đương đầu: to face
- vấn đề nghiêm trọng: serious problem
- có nhiều bước tiến đáng kể: to take great strikes
- sự bùng nổ dân số: population explosion/ population boom
- tăng theo cấp số nhân: to grow in geometric progression
- tăng theo cấp số cộng: to grow in arithmetic progression
- sản xuất hàng hóa: the production of goods

2.3. Charles Dickens là một trong những nhà viết tiểu thuyết lớn nhất thế giới, thuộc trường phái hiện thực phê phán thế kỷ 19. Điều mà chúng ta đánh giá cao về những tác phẩm của Dickens là sự phê phán về tội ác và sự tương phản giữa giàu và nghèo của xã hội tư sản Anh

Charles Dickens is one of the world's greatest novelists, belonging to the school of critical realism in the 19th century. What we highly appreciate in Dickens's works is his criticism of evil and the contrast between wealth and poverty in English bourgeois society at that time. The world he described was that of the middle and lower classes in London.

lúc bấy giờ. Thế giới mà ông ta miêu tả là thế giới của giai cấp trung lưu và hạ lưu ở Luân Đôn.
- nhà viết tiểu thuyết: novelist
- trường phái hiện thực phê phán: the school of critical realism
- đánh giá cao: to value/ highly appreciate
- sự phê phán: criticism
- tội ác: evil
- sự tương phản: contrast
- giàu và nghèo: wealth and poverty

- xã hội tư sản Anh: the English boutgeois society
- giai cấp trung lưu và hạ lưu: the middle and lower classes

Lesson 3:

3.1. Hội Liên Hiệp Phụ Nữ Việt Nam được cử đại diện ở Quốc Hội và chủ tịch hội được quyền tham dự các cuộc họp thường kỳ của Hội Đồng Bộ Trưởng để bày tỏ quan điểm của Hội và đề nghị những điều lệ liên quan đến phụ nữ.

The Vietnam Women's Union is represented in the National Assembly, and the chairwoman of the union has the right to attend regular meetings of the Council of Ministers to express the Union's viewpoints and propose regulations related to women.

- Hội Liên Hiệp Phụ Nữ Việt Nam: The Vietnam's Women Union
- cử đại diện: to be represented
- Quốc Hội: the National Assembly
- được quyền làm gì: to have the right to do something
- cuộc họp thường kỳ: regular meeting
- Hội Đồng Bộ Trưởng: the Council of Ministers
- bày tỏ quan điểm: express one's points of view
- điều lệ: regulations

3.2. Gia đình Việt Nam chịu ảnh hưởng rõ rệt của nền văn minh nông nghiệp. Do chính sách mở cửa, nền văn minh công nghiệp đang tác động từng ngày, từng giờ vào cuộc sống gia đình Việt Nam.

Vietnamese families are influenced by agricultural civilisation. Due to the open-door policy, industrial civilisation has a daily and hourly impact on the lives of Vietnamese families.

- chịu ảnh hưởng: to be affected by
- nền văn minh nông nghiệp: agricultural civilization
- chính sách mở cửa: the open-door policy
- tác động từng ngày từng giờ: to have daily and hourly impact on

3.3. Để giảm bớt chi phí trong việc tăng khả năng tiếp cận của trẻ em tàn tật với giáo dục, chính phủ đã phát động chương trình giáo dục và hội nhập cộng đồng.

To reduce costs in improving accessibility to education for disabled children, the government has launched a program for education and community integration.

- chi phí: cost
- khả năng tiếp cận: accessibility
- tàn tật: disabled
- phát động chương trình: launch a program
- hội nhập cộng đồng: community integration

Lesson 4:

4.1. Trong những năm gần đây để lập lại trật tự công cộng, Hà Nội đã dời một số khu chợ tạm đến những vùng đã được qui định. Nhưng trong số 4 khu chợ đã được qui định, thì chỉ có chợ Đồng Tâm được dời từ khu dân cư Đống Đa sang khu vực Đại La.

In recent years, to restore public order, Hanoi has relocated several temporary markets to designated areas. However, among the four designated markets, only the Dong Tam market was moved from the Dong Da residential area to the Dai La area.

- lập lại: restore/reconstruct
- trật tự công cộng: public order
- di dời: remove/evacuate
- khu chợ tạm: unofficial/temporary
- vùng đã được qui định: designated area
- khu dân cư: residential area/quarter

4.2. Ngoài việc đầu tư từ ngân sách nhà nước, tất cả các trường học phải tìm các nguồn tài chính khác để mua đồ dùng dạy học. Tuy nhiên, các nguồn này chỉ bằng 13% ngân sách nhà nước dành cho các trường phổ thông và 21% cho các trường đại học.

Apart from investment from the state budget, all schools must seek other financial sources to purchase teaching aids. However, these sources account for only 13% of the state budget for general schools and 21% for universities.

37

- đầu tư : investment
- ngân sách nhà nước: state budget
- nguồn tài chính : finacial sources/financial assistance/fund
- đồ dùng dạy học: teacing aids/equipment

4.3. Tổng thu nhập ngân sách nhà nước đạt xấp xỉ mức đề ra ban đầu. Những nguồn chi tiêu bình thường vẫn được đảm bảo, trong khi đó các khoản chi bất thường cho các vùng bị bão, lụt, hạn hán vẫn được thực hiện. Việc thâm hụt ngân sách nhà nước được giữ ở mức cho phép là 3,6% tổng thu nhập quốc nội vào năm 1998, thấp hơn năm 1997 là 4,2%.

State budget revenues approximately reached the originally set target. Regular expenditures were still ensured, while irregular spending for areas affected by storms, floods, and droughts was also carried out. The budget deficit was kept at the permissible level of 3.6% of GDP in 1998, lower than 4.2% in 1997.

- Tổng thu nhập ngân sách: budget revenues
- xấp xỉ: approximately
- đạt mức đề ra: achieve/obtain the targeted level/ level originally set
- nguồn chi tiêu: expenditure/spending
- được đảm bảo: to be ensured/guaranteed
- khoản chi bất thường: irregular spending
- Việc thâm hụt ngân sách: budget deficit
- mức cho phép: possible/permissible level

Lesson 5:

5.1. Việc qui hoạch tổng thể để quản lý vườn quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng được xem là điều kiện tiên quyết cho việc bảo tồn bền vững các

giá trị di sản. Việc bảo tồn này bao gồm đa dạng sinh học, tiến trình sinh thái, và giá trị cảnh quan, văn hoá và lịch sử.

The comprehensive plan for managing Phong Nha-Ke Bang National Park is regarded as a prerequisite for the sustainable conservation of heritage values. This conservation includes biodiversity, ecological processes, landscape, cultural, and historical values.

- qui hoạch tổng thể: master/comprehensive plan
- vườn quốc gia: natinal park
- được xem là: to be regarded as/viewed as/identified as/considered to be
- điều kiện tiên quyết: precondition/prerequsite

- bảo tồn bền vững : sustainable conservation
- giá trị di sản: heritage value
- đa dạng sinh học: biodiversity
- tiến trình sinh thái: ecological process

5.2. Ảnh hưởng của đột quỵ là đa dạng phụ thuộc vào vùng nào của não bị thiếu ô xy. Nếu như trung khu điều khiển ngôn ngữ bị thiếu máu thì đột quỵ sẽ gây ra mất khả năng diễn đạt bằng ngôn ngữ nói hay viết. Nếu như đột quỵ làm tổn thương vùng điều khiển khả năng vận động thì bệnh nhân sẽ đi lại khó khăn.

The effects of a stroke vary depending on which area of the brain is deprived of oxygen. If the speech centre lacks blood, the stroke will result in loss of the ability to express oneself in spoken or written language. If the stroke damages the area controlling motor skills, the patient will have difficulty walking.

- Ảnh hưởng: effect/influence
- đột quỵ: stroke
- phụ thuộc: depend on/rely on/be dependent on
- bị thiếu: be deprived of/lack
- khu điều khiển ngôn ngữ: area controlling speech/language
- gây ra: cuase/result in/lead to
- khả năng vận động: motor skill

5.3. Mặc dù gặp nhiều khó khăn do thời tiết khắc nghiệt, song hoạt động sản xuất nông nghiệp có nhiều chuyển biến tích cực, giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế của tỉnh ta, góp phần đảm bảo an ninh lương thực, tạo thu nhập và cuộc sống ổn định cho đại bộ phận nông dân. Định hướng chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp của tỉnh đã mang lại kết quả đáng ghi nhận.

Despite many difficulties caused by severe weather, agricultural production activities have seen positive changes, playing an important role in our province's economy, contributing to food security, and providing stable income and livelihood for most farmers. The orientation for agricultural restructuring in the province has brought about remarkable results.

- thời tiết khắc nghiệt: severe weather

- hoạt động sản xuất nông nghiệp: agricultural production
- chuyển biến tích cực: positive change
- giữ vai trò quan trọng: play an importan/avital role/part
- an ninh lương thực: food security
- thu nhập và cuộc sống ổn định: stable income and life
- Kế sinh nhai: Livelihood

39

- Định hướng: orientation
- cơ cấu nông nghiệp: agriculture structure
- kết quả đáng ghi nhận: remarkable/considerable/significant result/achievement

Lesson 6:

6.1. Bất cứ lúc nào đề cập đến vấn đề tăng dân số thế giới, người ta hầu như tập trung chú ý đến tỷ lệ sinh đẻ. Tuy nhiên một khía cạnh khác của vấn đề gia tăng dân số đang được quan tâm là việc hàng triệu người di dân sang các nước khác để tìm một cuộc sống tốt hơn. Họ luôn nuôi mộng di cư đến những vùng đất hứa.

Whenever the issue of world population growth arises, people almost always focus on the birth rate. However, another aspect of the population increase that is gaining attention is the millions of individuals migrating to other countries in search of a better life. They continuously nurture the dream of migrating to the promised lands.

- đề cập: mention/discuss
- tăng dân số: population growth/increase
- tập trung chú ý: focus attention on/pay attention to
- di dân: move/ migrate
- nuôi mộng: nourish a dream
- vùng đất hứa: promised land/greener pasture

6.2. Lần đầu tiên người ta phát hiện những đợt bùng phát chủng vi rút H5N1 mới nhất ở loài chim tại Thái Lan và Việt Nam vào năm 2003. Loại vi rút này đã lây lan đến nhiều nước khác trong vùng và bây giờ đã đặt chân lên các nước Châu Âu. Do vậy Liên Minh Châu Âu tuyên bố sẽ cấm nhập khẩu chim cảnh hoang dã và sẽ áp dụng các luật lệ nghiêm khắc hơn đối với vấn đề nuôi chim cảnh

The latest outbreaks of the H5N1 virus strain in birds were first detected in Thailand and Vietnam in 2003. This virus has spread to many other countries in the region and has now established a foothold in European countries. Therefore, the European Union has announced a ban on the import of wild pet birds and will impose stricter rules on bird-keeping.

- phát hiện: find/spot
- đợt bùng phát: outbreak
- chủng vi rút: strain
- lây lan: spread
- đặt chân lên: establish a foothold/ set foot on (in...)

- Liên Minh Châu Âu: The European Union
40
- tuyên bố: announce
- cấm nhập khẩu: ban import
- áp dụng các luật lệ nghiêm khắc: impose strict rules on
- chim cảnh: pet bird

6.3. Trong khi trao đổi Email qua điện thoại di động là mốt của giới trẻ thì việc thiết lập trang chủ như một phương tiện tự biểu đạt dường như thích hợp với những người cao tuổi khi mà Internet cho phép họ kết nối với thế giới từ nơi ở của mình. Nhận thông tin hay bày tỏ mình qua Internet có vẻ khó khăn. Tuy nhiên đối với những người lớn tuổi thường hay ở nhà và ít gặp gỡ bạn bè thì internet là công cụ thích hợp nhất.

While exchanging emails via mobile phones is the trend among young people, creating a home page as a means of self-expression seems more suitable for the elderly, as the Internet allows them to connect with the world from the comfort of their own homes. Receiving information or expressing oneself online may seem challenging. However, for elderly individuals who often stay at home and rarely meet friends, the Internet is the most appropriate tool.

- trao đổi: exchange
- qua điện thoại di động: via/through mobile/cell/hand phone
- mốt: fashion
- trang chủ: home page
- cho phép: allow/permit (sb to do sth)
- kết nối: link to/connect with
- Nhận thông tin: obtain/receive information
- bày tỏ mình: express oneself
- người lớn tuổi: elderly people
- công cụ: tool/decice

Lesson 7:

7.1. Bộ GD & ĐT cho biết Việt Nam có kế hoạch triển khai chương trình giảng dạy song ngữ một số môn học ở bậc đại học và xây dựng hai đại học tầm cỡ quốc tế đạt tiêu chuẩn ngang tầm các đại học khác trong vùng và trên thế giới. Việc thành lập hai trường đại học tầm cỡ quốc tế là một trong 33 kế hoạch hành động của Bộ GD & ĐT nhằm thực hiện luật giáo dục của Quốc hội.

The Ministry of Education and Training has announced that Vietnam plans to implement bilingual curricula for some university subjects and to build two international-level universities that meet the standards of other universities in the region and the world. The establishment of these two international-level universities is one of 33 action plans of the Ministry to implement the Education Law of the National Assembly.

- Bộ GD & ĐT: the Ministry of Education and Training
- triển khai: implement/carry out

- chương trình giảng dạy: curriculum
- song ngữ: bilingual
- tầm cỡ quốc tế: international-level
- đạt tiêu chuẩn: at the standard
- Việc thành lập: establishment
- kế hoạch hành động: action plan
- Quốc hội: the National Assembly

7.2. Gần 100 đại biểu của 11 quốc gia trên thế giới đã gặp gỡ tại thành phố nghỉ mát Nha Trang để dự hội thảo quốc tế về phát triển bền vững du lịch ven biển và bảo vệ môi trường biển.

Nearly 100 delegates from 11 countries around the world met in the resort city of Nha Trang to attend an international workshop on sustainable coastal tourism development and marine environment protection.

- đại biểu: delegate/representative
- thành phố nghỉ mát: resort city
- hội thảo quốc tế: international workshop
- phát triển bền vững: sustainable development
- du lịch ven biển: coastal tourism
- môi trường biển: marine environment

7.3. Ngân hàng thế giới và Cơ quan Phát triển & Hợp tác Thuỵ Sĩ đang tài trợ hai dự án tập trung vào sự ô nhiễm do xe cộ, những tác động của nó đối với sức khoẻ cộng đồng và các biện pháp giảm ô nhiễm.

The World Bank and the Swiss Agency for Development and Cooperation are funding two projects focusing on pollution caused by vehicles, its impact on public health, and measures to reduce pollution.

- Ngân hàng thế giới: World Bank
- Cơ quan Phát triển & Hợp tác Thuỵ Sĩ: The Swiss Agency for Development and Cooperation
- tài trợ: fund/donate/sponsor/support
- sức khoẻ cộng đồng: public health

Lesson 8:

8.1. Trước năm 1988, ảnh hưởng của hệ thống ngân hàng đối với sự phát triển và quản lý kinh tế vĩ mô là không đáng kể. Để khuyến khích hệ thống ngân hàng hoạt động có mục đích hơn, chính phủ đã đề ra các biện pháp mới bao gồm tổ chức lại hệ thống ngân hàng, đưa vào các chính sách tín dụng hạn định, chính sách mới về lãi suất và cho phép tự do buôn bán vàng trên thị trường.

Before 1988, the influence of the banking system on macroeconomic development and management was minimal. To encourage the banking system to operate more purposefully, the government introduced new measures, including reorganising the banking system, implementing restrictive credit policies, new interest rate policies, and allowing free trading of gold on the market.

- hệ thống ngân hàng: banking system
- sự quản lý kinh tế vĩ mô: macro-economic management
- không đáng kể: minimal/inconsiderable/unremarkable
- khuyến khích: encourage/stimulate (sb to do sth)
- đề ra các biện pháp: take measures/steps
- chính sách tín dụng hạn định: restrictive credit policy
- lãi suất: interest rate

8.2. Cơn bảo nhiệt đới đầu tiên trong năm với tên gọi khá mỉa mai "Chanchu" theo tiếng Trung Quốc là Ngọc trai đã đổ ập vào đoàn tàu đánh cá Việt Nam khi đoàn tàu đang tìm nơi trú ẩn sau khi cơn bảo đã đột ngột đổi hướng từ tây sang bắc tuần trước.

The first tropical storm of the year, ironically named "Chanchu" (meaning "pearl" in Chinese), slammed into a fleet of Vietnamese fishing ships as they were seeking shelter after the storm suddenly changed direction from west to north last week.

- với tên gọi khá mỉa mai: be ironically named/called
- ngọc trai: pearl
- đổ ập vào: slam into/crash into/smash into/collide/knock into
- đoàn tàu đánh cá: fleet of Vietnamese fishing ship
- nơi trú ẩn: shelter
- đổi hướng: change direction

Lesson 9:

Năm 2005, doanh thu thương mại của điện tử Samsung đạt 233 triệu USD. Nhưng đến năm 2006, ước tính con số này là 335 triệu USD. Với phương châm chậm nhưng chắc, một dự án liên doanh mang tên Savina (Samsung Vietnam) đã hình thành và bắt đầu hoạt động với tổng số vốn đầu tư là 78 triệu USD. Samsung đã huy động vốn là 300 triệu USD ở nhiều lĩnh vực như điện tử, sợi tổng hợp, nhà cho thuê. Còn những dự án khác thuộc các lĩnh vực như công nghiệp nặng, công nghiệp chế biến và xây dựng thì vẫn đang là nghiên cứu khả thi. Hiện nay, Samsung là nhà tài trợ lớn ở Việt Nam. Ngoài việc tài trợ cho nhiều giải vô địch thể thao qui mô lớn-nhỏ, Samsung đã cấp 1,2 triệu USD cho các chương trình học ngoại ngữ và huấn luyện thể dục.

In 2005, Samsung Electronics' trade turnover reached 233 million USD. By 2006, this figure was estimated at 335 million USD. With the motto "slow but steady," a joint venture project named Savina (Samsung Vietnam) was established and began operations with a total investment capital of 78 million USD. Samsung has mobilised 300 million USD in various fields such as electronics, synthetic fibre, and rental housing. Other projects in fields such as heavy industry, processing industry, and construction are still under feasibility study. Currently, Samsung is a major sponsor in Vietnam. In addition to sponsoring many large and small sports championships, Samsung has granted 1.2 million USD for foreign language programs and physical training.

- doanh thu thương mại: turnover/revenue/trade returns
- đạt: reach/achieve
- ước tính: estimate
- con số: figure
- phương châm: motto/slogan
- dự án liên doanh: joint venture project
- hình thành: come into being/existence
- số vốn đầu tư: investment capital
- sợi tổng hợp: synthetic fibre
- công nghiệp chế biến: processin industry
- nghiên cứu khả thi: feasibility study
- nhà tài trợ: sponsor
- giải vô địch thể thao: sports championship

Lesson 10:

Ngành sản xuất đã phát triển đáng kể trong thời kỳ tái thiết nền kinh tế của Philippines sau Chiến tranh Thế giới thứ II. Việc kiểm soát hàng hoá nhập khẩu của chính phủ đã thúc đẩy sự phát triển ngành công nghiệp nhẹ sản xuất các mặt hàng tiêu dùng cho thị trường trong nước. Vào những năm 70, chính phủ đã xây dựng bốn đặc khu kinh tế nhằm tăng cường sản xuất hàng hoá xuất khẩu. Các ngành công nghiệp trong các khu chế xuất này được khuyến khích sản xuất các mặt hàng xuất khẩu truyền thống. Những đặc khu kinh tế này đã thu hút vốn đầu tư của nước ngoài vào Philippines một phần nhờ vào chính sách miễn thuế cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Xây dựng thành công những đặc khu kinh tế này đã tạo tiền đề cho sự ra đời các khu công nghiệp có qui mô lớn hơn. Chẳng hạn như, căn cứ hải quân Subic Bay của Mỹ trước đây nay đã trở thành một khu thương mại-công nghiệp khổng lồ ở Manila. Một khu công nghiệp - thương mại lớn với cơ sở hạ tầng hiện đại và được miễn thuế đã thu hút các ngành công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu và đầu tư nước ngoài.

The manufacturing sector developed significantly during the reconstruction of the Philippine economy after World War II. Government controls on imports promoted the development of light industries producing consumer goods for the domestic market. In the 1970s, the government established four special economic zones to boost the production of export goods. Industries in these export-processing zones were encouraged to produce traditional export goods. These special economic zones attracted foreign investment in the Philippines, partly thanks to tax exemption policies for foreign-invested enterprises. The successful establishment of these zones paved the way for the emergence of larger industrial zones. For example, the former US naval base at Subic Bay has now become a huge commercial-industrial area in Manila. A large industrial-

commercial zone with modern infrastructure and tax exemption has attracted export-oriented industries and foreign investment.

- tái thiết nền kinh tế: reconstruction economy
- thời kỳ sau Chiến tranh Thế giới thứ II: during the post-World War II
- việc kiểm soát hàng nhập khẩu: controls on imports
- thúc đẩy sự phát triển: speed up/promote development
- hàng tiêu dùng: consumer goods
- thị trường trong nước: domestic/local market
- đặc khu kinh tế: special economic zone
- khu chế xuất: export-processing zone
- căn cứ hải quân: naval base
- cơ sở hạ tầng: infra-structure/facilities
- được miễn thuế: receive tax exemption

Lesson 11:

Việt Nam đã nổ lực duy trì sự ổn định chính trị xã hội, phát triển kinh tế và quan hệ ngoại giao trong những năm gần đây. Những thay đổi tích cực của luật pháp đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất, tài chính và thương mại. Nhờ nông nghiệp thích ứng với thị trường tự do nên Việt Nam được xếp là nước xuất khẩu gạo lớn thứ hai trên thế giới sau Thái Lan. Tại Thành phố Hồ Chí Minh và vùng phụ cận những hoạt động dịch vụ và sản xuất đã phát triển và thay đổi nhanh chóng. Kinh tế phát triển mạnh một phần nhờ vào nguồn đầu tư vốn và công nghệ của gần 2 triệu Việt Kiều ở các nước trên thế giới. Đa số họ đã quay trở về Việt Nam để đầu tư và liên lạc với bà con.

- nổ lực: make every effort/try hard/seek (to do something)
- sự ổn định chính trị xã hội: socio-politic stability/control
- phát triển kinh tế và quan hệ ngoại giao: develop economic and diplomatic establishment
- thay đổi tích cực: positive change
- thích ứng: respond to/ be adapted to
- được xếp: rank
- nước xuất khẩu gạo lớn thứ hai trên thế giới: the world's second-largest rice exporter
- vùng phụ cận: in the neighbourhood/vicinity
- hoạt động dịch vụ và sản xuất: manufacturing/production and service activities
- vào nguồn đầu tư vốn: an influx of investment

Lesson 12:

Trong tiếng Việt, từ "nước" vừa có ý nghĩa là quốc gia, vừa có ý nghĩa là nước, một liên kết về ngôn ngữ mà mối ràng buộc càng thấy rõ ràng sau một chuyến đi thăm vùng đất phì nhiêu nhất Việt Nam: Đồng bằng sông Cửu Long. Trong khi những thành phố lớn như Cần Thơ, Mỹ Tho, Long Xuyên lập thành thế vững cho các tỉnh của Đồng

bằng sông Cửu Long thì mạng lưới kênh rạch mênh mông lại là cái duyên có một không hai của vùng này. Sinh hoạt vui nhộn của vùng này không giống mấy với cách sinh hoạt của Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên điều đó không có nghĩa là phải khó khăn lắm mới tới được Đồng bằng sông Cửu Long để thoát khỏi cái ồn ào náo nhiệt của thành phố lớn nhất Miền Nam này. Chỉ mất chừng ba giờ đồng hồ bằng xe đò trên Quốc lộ 1 là bạn là bạn đến Mỹ Tho, thủ phủ của tỉnh Tiền Giang và là điểm xuất phát tốt cho cuộc thăm dò vùng đồng bằng này.

- có ý nghĩa: mean/signify/carry a meaning
- liên kết về ngôn ngữ: linguistic association/relation/tie
- càng thấy rõ ràng: recognizable
- chuyến đi thăm: journey/visit
- vùng đất phì nhiêu: rich/fertile land
- Đồng bằng sông Cửu Long: The Mekong Delta
- lập thành thế vững: provide a vantage for
- mạng lưới kênh rạch: network of rivers and canals
- cái duyên: great boon
- có một không hai: second to none/unique
- giống: be similar to/the same as/like
- thoát khỏi: escape
- thủ phủ: capital city
- điểm xuất phát: departure point

Lesson 13:

Sau 30 năm xa cách, tôi quyết định về thăm lại trường cũ. Tôi chuẩn bị tâm thế để nhìn thấy những đổi thay, nhưng không phải để thấy một toà nhà khác hẳn. Khi bước dọc theo lối vào trường, tôi thoạt đầu tự hỏi không biết mình có đến đúng địa chỉ hay không. Cái toà nhà xây bằng gạch đỏ có những cửa sổ cao mà ngày xưa đã từng nhìn xuống sân chơi nay đã bị xóa mất dấu. Thay vào đó là một khối nhà hiện đại sáng loáng được nâng khỏi mặt đất trên những chiếc trụ bê tông. Phía trước toà nhà là một thảm cỏ được cắt xén cẩn thận nơi mà ngày xưa là một cái sân trãi sỏi.

- 30 năm xa cách: an absence/ a separation of 30 years
- chuẩn bị tâm thế: be prepared/ready to do sth/expect to do sth
- tự hỏi: wonder/ask oneself
- gạch đỏ: red brick
- nhìn xuống: look down on

-bị xoá mất dấu: be swept away/be comletely removed/disappear/vanish in thin air

- thay vào đó: in its place/be replaced with
- được nâng khỏi: be raised/lifted from
- thảm cỏ: lawn
- được cắt xén cẩn thận: be well-kept/carefully-mowed
- cái sân trãi sỏi: a gravel yard

Lesson 14:

Theo phân tích của các chuyên gia kinh tế, việc dỡ bỏ hàng rào thuế cũng sẽ làm cho giá nguyên liệu nhập khẩu giảm xuống. Điều này sẽ làm cho giá hàng tiêu dùng cũng giảm và người tiêu dùng cũng sẽ được hưởng lợi. Việc giá cả hàng hóa trong nước gần sát với giá thế giới hơn sẽ giúp giảm nạn buôn lậu và gian lận thương mại và giúp thị trường Việt Nam lành mạnh hơn. Sự hiện diện của các tập đoàn nước ngoài cũng là động lực mới để nâng cao sức cạnh tranh của hệ thống phân phối trong nước, đồng thời thúc đẩy việc hình thành hệ thống phân phối hiện đại cho thị trường. Người tiêu dùng sẽ có cơ hội được mua hàng hóa với giá cả hợp lý, chất lượng đảm bảo.

- theo phân tích của các chuyên gia kinh tế: according to economic experts' analysis
- việc dỡ bỏ hàng rào thuế : the removal of tariff barriers
- giá hàng tiêu dùng : consumption price
- hưởng lợi: to be benefited
- giá cả hàng hóa trong nước gần sát với giá thế giới hơn: narrow gap between domestic and world prices - tập đoàn nước ngoài: foreign groups

48

- động lực: impetus
- nâng cao sức cạnh tranh: improve competition/ competitive force
- thúc đẩy: speed up/ boost/accelerate
- hệ thống phân phối hiện đại: mordern distribution system
- giá cả hợp lý: reasonable price

Lesson 15:

Số liệu chính thức cho thấy chỉ có 13% học sinh trung học hiện nay tốt nghiệp với một ngoại ngữ - so với hơn 40% của thập niên 1960. Người ta quan ngại những nhược điểm này có thể làm Úc cách ly khỏi các đối tác ở châu Á và tạo ra vấn đề cho thương mại, ngoại giao và an ninh. Những học giả khác lo ngại việc đào tạo và dạy ngôn ngữ ở cả đại học và trường phổ thông đã sa sút từ thập niên 1980. Khi đó, chính phủ Úc đặc biệt chú trọng tới nghiên cứu châu Á vì họ muốn có quan hệ gần hơn với khu vực. Khi sức mạnh kinh tế thế giới chuyển sang các khối mới nổi trong đó có châu Á, khoảng cách ngôn ngữ của Úc có thể bị lộ diện. Pippa McCowage, một sinh viên kinh tế 22 tuổi từ Sydney, tin rằng nhiều thanh niên Úc không nhiệt tình với ngoại ngữ.

- Số liệu chính thức: Official figures
- Cho thấy: show/indicate/demonstrate
- học sinh trung học: high-school students
- tốt nghiệp với một ngoại ngữ: graduate with a foreign language
- so với: compared with
- những nhược điểm: deficiencies
- cách ly khỏi các đối tác: isolate sb/sth from his/its partners
- tạo ra vấn đề cho thương mại, ngoại giao: pose problems for trade, diplomacy

- Những học giả: academics/scholars
49
- việc đào tạo và dạy ngôn ngữ: language training and teaching
- sa sút: be eroded
- đặc biệt chú trọng tới: give special attention to
- muốn có quan hệ gần hơn: seek to establish closer ties with
- sức mạnh kinh tế thế giới: the world's economic power
- khối mới nổi: emerging blocs
- khoảng cách ngôn ngữ: language gap
- bị lộ diện: be exposed
- không nhiệt tình với ngọai ngữ: have a half-hearted approach to foreign languages

Lesson 16:

Chính sách một con của Trung quốc và phong tục thích con trai để nối dõi đã làm nhiều cặp vợ chồmg phải tìm cách để sinh con trai bằng được. Một số người trả tiền để thực hiện siêu âm bất hợp pháp để xem cái thai trong bụng là con trai hay con gái và sẽ phá thai nếu đó là con gái. Chính phủ Trung quốc tuyên bố đang soạn thảo luật mới để giải quyết sự mất cân bằng về giới do tình trạng phá thai là con gái gây ra. Những quy định mới sẽ định ra những hình phạt cụ thể đối với các bậc cha mẹ và bác sĩ. Hiệp hội kế hoạch hóa gia đình Trung quốc cho biết sự chênh lệch nam nữ đã đến mức báo động. Các chuyên gia lo ngại rằng hiện tượng này sẽ gây ra những hậu quả về xã hội không thể lường trước được. Một số người tin rằng với hàng triệu đàn ông không tìm được vợ, có nhiều khả năng những hành vi bạo lực và chống xã hội sẽ ngày càng tăng.

- Chính sách một con: one-child policy
- phong tục thích con trai để nối dõi: the traditional preference for male heirs
- tìm cách để sinh con trai bằng được: try to ensure that their single offspring is a boy
50
- siêu âm bất hợp pháp: illegal ultrasound tests
- xem cái thai trong bụng là con trai hay con gái: discover the sex of a foetus
- phá thai: abort the foetus
- soạn thảo luật mới: draf new laws
- giải quyết sự mất cân bằng về giới: tackle the gender imbalance
- tình trạng phá thai là con gái: the abortion of female foetuses
- Quy định mới: new rule
- định ra những hình phạt cụ thể : set out specific punishments
- Hiệp hội kế hoạch hóa gia đình Trung quốc: China's Family Planning Association
- sự chênh lệch nam nữ đã đến mức báo động: the alarming extent of the imbalance
- hiện tượng: phenomenon

- hậu quả xã hội không thể lường trước được: unpredictable social consequences
- những hành vi bạo lực và chống xã hội: anti-social and violent behaviour

Lesson 17:

Chỉ hai tháng nữa, sau lễ khai mạc dài ba giờ rưỡi đồng hồ nhằm đưa tinh túy văn hóa Trung Quốc đến với thế giới, Thế Vận hội Bắc Kinh sẽ xuất hiện trên truyền hình và tin tức mọi châu lục. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã mơ về khoảnh khắc này từ ít nhất 15 năm qua. Rõ ràng đây là giây phút ăn mừng, khi một đất nước trong phần lớn thời gian thế kỷ 20 phải chịu nội chiến, nạn đói, và sự khép kín, nay trở nên giàu có và ổn định để bắt đầu thế kỷ mới với sự tự tin như thế. Tuy vậy nhiều nước cũng sẽ quan sát với sự bất an. Với những láng giềng như Nhật Bản hay Ấn Độ, sự phục sinh của cường quốc kinh tế, chính trị Trung Quốc cũng đồng thời là thách thức, đặc biệt đối với tài nguyên năng lượng. Với Hoa Kỳ, chi tiêu gia tăng cho quân sự khiến Trung Quốc trở thành đối thủ đang lên ở Thái Bình Dương.

- Chỉ hai tháng nữa: In just two months' time
- lễ khai mạc dài ba giờ rưỡi đồng hồ: a three-and-a-half hour opening ceremony
- đưa tinh túy văn hóa Trung Quốc đến với thế giới: spread the essence of Chinese culture to the world
- Thế Vận hội Bắc Kinh: the Beijing Olympics
- mọi châu lục: across every continent
- mơ về khoảnh khắc: dream of this moment
- giây phút ăn mừng: a moment for celebration
- phần lớn thời gian thế kỷ 20: for large parts of the 20th century
- phải chịu: suffer from
- nội chiến, nạn đói, và sự khép kín: civil wars, famines, introversion
- ổn định: stable
- tự tin: confidence
- quan sát với sự bất an: watch with unease
- sự phục sinh: revival
- cường quốc kinh tế, chính trị: an economic and political power
- thách thức: challenge
- tài nguyên năng lượng: energy resources
- chi tiêu gia tăng cho quân sự: increased military spending
- đối thủ đang lên ở Thái Bình Dương: an emerging Pacific Ocean rival

Lesson 18:

18.1 Chính phủ Việt Nam đã phê chuẩn các kế hoạch xây dựng một tuyến đường sắt mới nối liền giữa hai thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh, trị giá 33 tỉ đôla. Dự kiến khi hoàn thành, đường xe lửa này sẽ giảm thời gian đi lại giữa hai thành phố xuống còn chưa đầy 10 tiếng, so với mức thời gian hiện nay là gần hai ngày. Chính phủ Việt Nam đặt ra mục tiêu là sẽ xây xong đường ray này trong vòng sáu năm.

- phê chuẩn: to approve
- tuyến đường sắt mới nối liền giữa hai thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh, trị giá 33 tỉ đôla: a $33bn new rail link between Hanoi to Ho Chi Minh City
- giảm thời gian đi lại: cut the journey time
- dự kiến khi hoàn thành: if completed
- đặt ra mục tiêu: set a target

18.2 Chính phủ Nhật đã có kế hoạch cho những biện pháp cụ thể để làm nhẹ bớt những khó khăn từ một xã hội có độ tuổi trung bình cao. Các biện pháp này bao gồm khuyến khích người già làm việc và giúp những người ở độ tuổi 50 lập kế hoạch sau khi về hưu cho cuộc sống của mình. Báo cáo của chính phủ nói rằng một xã hội già vẫn cần phải là một xã hội năng động.

- làm giảm nhẹ những khó khăn: to ease the hardship
- Một xã hội có độ tuổi trung bình cao: an ageing society
- Lập kế hoạch sau khi về hưu cho cuộc sống của mình: to shape post-retirement life plan

Lesson 19:

Cơ quan kiểm dịch tại Hàn Quốc đang chuẩn bị tổ chức tiêu hủy hơn 270.000 gia cầm sau khi bùng phát dịch cúm gia cầm. Đợt dịch gần đây nhất bùng phát tại miền trung Hàn Quốc, đây là đợt dịch thứ năm kể từ khi dịch cúm gà xuất hiện trở lại hồi tháng 11 sau hơn ba năm 'vắng bóng'. Hơn 160 người trên thế giới đã chết vì virus H5N1.Đợt dịch mới nhất tại Hàn Quốc được phát hiện tại một trại gia cầm ở Chonan, cách thủ đô Seoul 90 kilomét. Giới chức Hàn Quốc sẽ tiến hành tiêu hủy gia cầm trong bán kính 500 mét xung quanh trại
gà này. Hàng trăm ngàn con gà đã bị tiêu hủy trong tháng 11 năm ngoái khi cúm gà xuất hiện trở lại tại Nam Hàn. Tổ chức Y tế Thế giới đã cảnh báo về khả năng phát dịch nếu virus biến đổi thành một dạng có khả năng lây sang người.

- Cơ quan kiểm dịch: quarantine authorities
- chuẩn bị tổ chức tiêu hủy : prepare to slaughter
- bùng phát vi rút cúm gia cầm: an outbreak of bird flu viruses
- ba năm 'vắng bóng': a three-year absence
- trại gia cầm: poultry farm
- biến đổi thành: mutate to
- một dạng có khả năng lây sang người: a form that can be more easily contracted by humans

Lesson 20:

Xe hơi Nhật xếp hạng cao nhất theo đánh giá nhóm khảo sát người tiêu dùng Which. Hãng Honda năm nay được trao giải về độ tin cậy - Reliability Award, theo kết quả thăm dò của Which dựa trên 100.000 ca khảo sát, vượt qua hãng Toyota, tên tuổi được trao tặng giải cho Nhà sản xuất tốt nhất - Best Manufacturer Award. Giải thưởng môi trường - Green Award được trao cho chiếc xe dùng năng lượng hỗn hợp (hybrid) của Toyota, vượt qua chiếc xe của BMW, chỉ chiếm được

giải Thử tốt nhất trên đường. Một số hiệu xe của Mỹ như Chevrolet, Chryslervà Dodge bị chỉ trích về mức độ an toàn. Từ trước tới giờ Volvo vẫn luôn được coi là loại xe an toàn nhưng danh hiệu này gần đây bị lung lay do các quan ngại của người dân về độ an toàn. Hai hiệu xe Galaxy của Ford và Auris của Toyota đã vượt qua Volvo và giật giải an toàn - Safety Award.

- nhóm khảo sát người tiêu dùng Which: according to consumer group Which
- xe dùng năng lượng hỗn hợp: hybrid car
- giải cho Nhà sản xuất tốt nhất: Best Manufacturer Award
- Giải thưởng môi trường: Green Award